

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2025/DS-ST**
Ngày: 21-4-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

2. Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 504/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ông Q ủy quyền cho Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Th, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/10/2023 ông Nguyễn Thế Q có cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 77.800.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) để phục vụ nhu cầu kinh doanh của vợ chồng, thời hạn đến hết tháng 04 năm

2024 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 14 mỗi tháng. Có lập hợp đồng vay và ông M bà H có ký tên.

Đến ngày 10/4/2024 ông Q tiếp tục cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), để thanh toán viện phí và mua thuốc chữa trị cho cha ông M bệnh ung thư, thời hạn đến ngày 10 tháng 6 năm 2024 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng. Có lập hợp đồng vay và ông M bà H có ký tên.

Cùng ngày 10/4/2024 ông Q tiếp tục cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), để đóng tiền hui và trả nợ ngân hàng định kì hàng tháng, thời hạn đến ngày 10 tháng 6 năm 2024 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 14 mỗi tháng. Có lập hợp đồng vay và ông M bà H có ký tên.

Tổng số tiền ông Q cho ông M, bà H vay là 137.800.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Sau khi nhận được các khoản tiền vay, vợ chồng ông M, bà H không thanh toán lãi đúng như thỏa thuận, nói lý do khó khăn và hẹn đến tháng 6 sẽ thanh toán hết một lần. Tuy nhiên, đến hạn ông M, bà H vẫn không thực hiện đúng như lời đã hứa.

Nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 137.800.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26/02/2025 đại diện nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre phát biểu:
+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92 BLTTDS; áp dụng các Điều 288, 463, 466 BLDS năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế Q, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền gốc là 137.800.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Ông Q không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 137.800.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính hợp đồng cho vay tiền ngày 14/10/2023, hai bản chính hợp đồng cho cá nhân vay tiền ghi ngày 10/4/2024.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo về phiên công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự để tham gia phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông M, bà H vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 cho ông M, bà H để tham gia phiên tòa nhưng ông M, bà H vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có cơ sở buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Thế Q số tiền 137.800.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 luật Hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế Q đối với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thế Q số tiền là 137.800.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.890.000 (Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn Thế Q số tiền 3.445.000 (Ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005891 ngày 24/10/2024.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí

